TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ N
TỈNH QUẢNG N
----- * -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 11-9-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N - TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - chủ tọa Phên tòa: Ông Trình Minh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Đào.

- Th- ký Phên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N tham gia Phên Tòa:*** Bà Đặng Thị Xuân Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn Phên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thảo D, sinh năm 1996;
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công Ph, sinh năm 1994;
Cùng địa chỉ: Thôn An Bình, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.
Chị D có mặt, anh Ph vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại Phên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thảo D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công Ph tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015; Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh Ph chơi bời, nghiện ngập, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Dù đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Ph vẫn chứng nào tật nấy. Đến nay xét thấy không còn tình cảm gì với anh Ph nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Công Ph.

Về con chung, chị Phạm Thị Thảo D và anh Nguyễn Công Ph có 01 con chung tên là Nguyễn Vũ Huỳnh C, sinh ngày 24-5-2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Công Ph trình bày: anh và chị Phạm Thị Thảo D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Trong thời gian chung sống, vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vả nhưng theo anh đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Nhưng nay chị D đã không còn yêu thương anh nữa, chị D mong muốn ly hôn thì anh thống nhất.

Về con chung, anh Nguyễn Công Ph và chị Phạm Thị Thảo D có 01 con chung tên là Nguyễn Vũ Huỳnh C, sinh ngày 24-5-2015. Khi ly hôn anh Ph có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N tham gia Phên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Đương sự là bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại Phên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại Phên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Công Ph là bị đơn trong vụ án đã đ- ợc Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh triệu tập hợp lệ đến Phên tòa xét xử lần thứ hai nh- ng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Công Ph.

2/ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công Ph và chị Phạm Thị Thảo D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam L, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và đ- ợc pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh Ph, chị D xảy ra mâu thuẫn do quan điểm, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vả, anh Ph chơi bời, nghiện ngập, không quan tâm đến vợ con.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án thông báo để vợ chồng anh Ph, chị D hòa giải nhằm đoàn tụ gia đình, nhưng anh Ph không phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Anh Ph cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa tới mức phải ly hôn nhưng không tham gia hòa giải, không quan tâm và không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị D kiên quyết ly hôn, anh Ph cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D, anh Ph đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên Hội đồng xét xử quyết định ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị D, anh Ph.

- Về con chung: Anh Nguyễn Công Ph và chị Phạm Thị Thảo D có 01 con chung tên là Nguyễn Vũ Huỳnh C, sinh ngày 24-5-2015. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ph cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chi đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung

Xét yêu cầu của các bên thì thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về ng- ời trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; tr- ờng hợp không thỏa thuận đ- ợc thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*". Hiện nay chị D có việc làm ổn định, thu nhập khá; hơn nữa, cháu C hiện nay còn nhỏ lại là con gái nên xét thấy giao cháu C cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của cháu. Chị D không yêu cầu anh Ph cấp d- ỡng nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị D, anh Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, chị D, anh Ph khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

□p dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thảo D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thảo D ly hôn với anh Nguyễn Công Ph.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Huỳnh C, sinh ngày 24-5-2015 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng đến tuổi tr- ởng thành. Anh Ph không cấp d- ỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ợc phép cản trở quyền này. Khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi ng- ời nuôi con, mức cấp d- ỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003316 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị D đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11-9-2018). Bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú N;*
- *UBND xã Tam L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trình Minh Hùng